

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

# **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

---

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-44
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-44



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Sĩ Hiến	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Hải	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/04/2016
Ông Nguyễn Khắc Kim	Thành viên	Từ nhiệm ngày 12/04/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/04/2016
Ông Nguyễn Khắc Kim	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/04/2016
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2017
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hường	Trưởng ban	
Ông Vũ Tuyên Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2016
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2016
Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Thành viên	

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

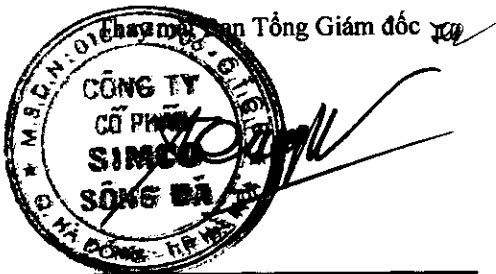
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Ngọc Quyền  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

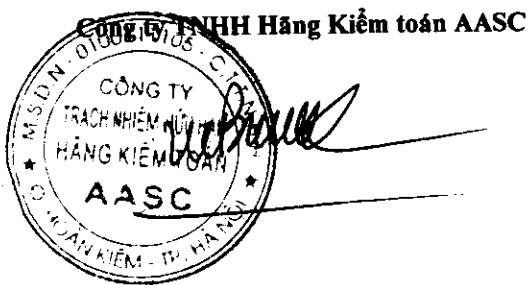
Dự án khai thác và chế biến đá marble tại mỏ Nayputaung, thị trấn Taunggok, bang Rakhine, Myanmar đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, chi phí đầu tư xây dựng được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là 68.098.129.578 đồng (tương đương 2.997.276,83 USD), các chi phí khác của dự án được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2016. Chúng tôi không được tiếp cận với tài liệu, hồ sơ liên quan đến giao dịch này. Vì vậy chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty đã trình bày ở Thuyết minh số 12, Công ty đang thực hiện Dự án tòa nhà Simco Tower tại khu nhà hỗn hợp HH - Khu đô thị mới Cầu Brou - Thanh Trì - Hà Nội theo Quyết định số 278/2011/HĐQT ngày 08/02/2011 của Hội đồng quản trị. Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty đang tạm dừng triển khai dự án để điều chỉnh lại quy hoạch và thu xếp được vốn đầu tư. Vấn đề này không liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.



---

**Vũ Xuân Biên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2013-002-1

---

**Trương Thị Hoài Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2446-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>15.880.156.043</b>	<b>294.512.577.804</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.624.322.402	122.118.440.469
111	1. Tiền		1.624.322.402	2.118.440.469
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	120.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	2.690.000.000	17.300.860.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		4.200.000.000	18.939.370.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.860.000.000)	(1.638.510.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		350.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.622.884.212	148.892.692.335
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	3.156.753.595	90.903.724.030
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.344.344.053	19.305.244.941
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	5.006.330.196	5.954.163.196
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	6.870.535.803	35.955.562.955
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.755.079.435)	(3.226.002.787)
140	IV. Hàng tồn kho	11	2.149.851.742	5.831.386.378
141	1. Hàng tồn kho		2.235.578.092	5.831.386.378
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(85.726.350)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		793.097.687	369.198.622
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	43.809.169	211.855.835
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		740.055.337	157.342.787
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	9.233.181	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>392.016.748.469</b>	<b>261.758.964.869</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.919.142.000	8.244.598.790
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	7.919.142.000	8.244.598.790
220	II. Tài sản cố định		109.371.588.605	42.514.697.818
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	109.371.588.605	42.514.697.818
222	- Nguyên giá		127.516.520.097	61.006.581.748
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.144.931.492)	(18.491.883.930)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	-	-
228	- Nguyên giá		244.160.000	244.160.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(244.160.000)	(244.160.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	78.216.133.092	183.372.346.236
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		75.902.112.441	75.902.112.441
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.314.020.651	107.470.233.795
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	195.958.680.713	27.449.462.671
251	1. Đầu tư vào công ty con		10.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24.798.680.713	25.349.462.671
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		176.050.000.000	7.000.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.900.000.000)	(4.900.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		551.204.059	177.859.354
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	551.204.059	177.859.354
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>407.896.904.512</b>	<b>556.271.542.673</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>164.987.684.563</b>	<b>277.430.404.811</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>82.193.360.126</b>	<b>193.089.908.147</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	34.563.597.437	5.451.501.668
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	444.882.166	1.975.672.086
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	354.480.125	2.738.910.172
314	4. Phải trả người lao động		1.790.428.890	2.103.329.662
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	149.919.233	5.393.683.278
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	455.068.070	229.640.394
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	37.067.367.533	43.536.694.315
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	7.367.010.100	131.658.870.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		606.572	1.606.572
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>82.794.324.437</b>	<b>84.340.496.664</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	55.664.799.937	56.094.285.464
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	24.420.629.156	25.537.315.856
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.708.895.344	2.708.895.344
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>242.909.219.949</b>	<b>278.841.137.862</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>242.909.219.949</b>	<b>278.841.137.862</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		262.061.580.000	262.061.580.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		262.061.580.000	262.061.580.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(1.682.000)	(1.682.000)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24	6.423.946.323	6.322.947.711
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.231.903.807	1.231.903.807
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(26.806.528.181)	9.226.388.344
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		9.226.388.344	4.835.001.555
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(36.032.916.525)	4.391.386.789
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>407.896.904.512</b>	<b>556.271.542.673</b>

Phạm Thị Đà Giang  
Người lậpPhạm Thị Hiếu  
Kế toán trưởng  
Nguyễn Ngọc Quyền  
Tổng Giám đốc

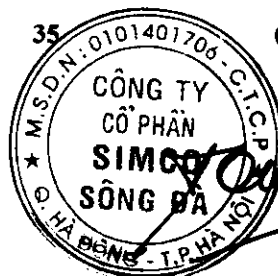
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	36.351.716.734	190.155.767.710
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	413.418.400	764.401.300
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.938.298.334	189.391.366.410
11	4. Giá vốn hàng bán	28	97.031.839.028	169.956.475.278
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(61.093.540.694)	19.434.891.132
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	53.055.750.364	10.182.917.909
22	7. Chi phí tài chính	30	4.946.542.270	10.372.283.651
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.911.955.214	4.516.608.526
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(635.037.077)	(259.927.947)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	26.434.611.084	13.604.532.352
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(40.053.980.761)	5.381.065.091
31	12. Thu nhập khác	32	4.751.275.063	3.090.956.024
32	13. Chi phí khác	33	632.816.889	1.106.025.836
40	14. Lợi nhuận khác		4.118.458.174	1.984.930.188
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(35.935.522.587)	7.365.995.279
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	97.393.938	2.974.608.490
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(36.032.916.525)</u>	<u>4.391.386.789</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(36.032.916.525)	4.391.386.789
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(1.375)	244

Phạm Thị Đà Giang  
Người lậpPhạm Thị Hiếu  
Kế toán trưởngNguyễn Ngọc Quyền  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(35.935.522.587)	7.365.995.279
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.999.107.680	1.995.078.212
03	- Các khoản dự phòng		5.836.292.998	6.257.608.587
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		93.958.642	2.550.035.749
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(52.713.006.439)	(9.863.577.114)
06	- Chi phí lãi vay		3.911.955.214	4.516.608.526
07	- Các khoản điều chỉnh khác (*)		39.278.090.720	23.120.243
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(37.529.123.772)	12.844.869.482
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		133.417.554.463	(97.635.317.462)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.595.808.286	6.975.510.743
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(8.677.070.809)	(6.409.312.321)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(205.298.039)	518.225.761
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		14.739.370.000	(18.939.370.000)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.166.696.498)	(4.391.438.909)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.257.988.674)	(1.090.399.012)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.712.730.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.000.000)	(1.961.530.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		98.915.554.957	(108.376.031.718)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.062.323.636)	(22.216.055.087)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		599.999.999	689.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(350.000.000)	(547.833.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		947.833.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(161.180.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		64.000.000.000	52.843.774.234
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.297.023.313	3.316.246.728
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(93.747.467.324)	34.085.587.420

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	87.355.060.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		6.518.920.200	160.710.694.500
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(132.181.125.900)	(60.137.885.499)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(125.662.205.700)</i>	<i>187.927.869.001</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(120.494.118.067)	113.637.424.703
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		122.118.440.469	8.484.473.360
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(3.457.594)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>1.624.322.402</u>	<u>122.118.440.469</u>

(\*) Các khoản điều chỉnh do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con ở nước ngoài và một phần chi phí đầu tư giai đoạn 1 của Dự án khai thác và chế biến đá marble tại Myanmar ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2016 do Công ty con ở nước ngoài gặp khó khăn và đang tạm dừng hoạt động.



Phạm Thị Đà Giang  
Người lập



Phạm Thị Hiếu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Quyền  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm 2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 262.061.580.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 262.061.580.000 đồng; tương đương 26.206.158 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp; Khai thác và chế biến khoáng sản; Xuất khẩu lao động; Đào tạo; Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết và một số hoạt động kinh doanh khác.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp;
- Dạy nghề;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động chứng khoán, nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động của các tổ chức tín dụng, kinh doanh bảo hiểm);
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu;
- Dịch vụ tư vấn du học;
- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quảng cáo bất động sản, Dịch vụ quản lý bất động sản, Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ định giá bất động sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các Công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Quận Kamayut, khu Yangon, Myanmar	100,00%	100,00%	Khai thác khoáng sản
Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà (*)	Hà Nội	100,00%	98,00%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

(\*) Theo Nghị quyết số 37/SIMCO-HĐQT ngày 27/06/2016 về việc thành lập Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà với vốn điều lệ 150 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Simco Sông Đà cam kết góp 98% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã góp 134 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà và các cổ đông khác chưa thực hiện góp vốn nên tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà là 100%.

Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà được thành lập ngày 19/10/2016 theo Nghị quyết số 48/SIMCO-HĐQT ngày 17/10/2016 với vốn điều lệ 5 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Simco Sông Đà cam kết góp 60% vốn điều lệ. Tuy nhiên, đến ngày 14/03/2017, Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT. Sau khi thực hiện thoái vốn Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà không còn là Công ty con của Công ty vì vậy số liệu của Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà cho kỳ kế toán từ ngày 19/10/2016 đến ngày 31/12/2016 không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty.

- Công ty có các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Sản xuất, kinh doanh phần mềm tư vấn thiết kế trong lĩnh vực CNTT
Công ty Cổ phần Rượu - Việt Nam Thụy Điển (*)	Huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	42,80%	42,80%	Sản xuất, kinh doanh các loại rượu
Công ty Cổ phần Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng (**)	Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	49,00%	49,00%	Khai thác thu gom than cứng, than non, dầu, khí đốt tự nhiên, khoáng sản...

(\*) Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 do đã dừng hoạt động từ năm 2014.

(\*\*) Trong năm Công ty đã mua lại 49% cổ phần tại Công ty Cổ phần Hawinco Đầu tư Xây dựng Hạ tầng từ các cổ đông đang sở hữu cổ phần của Công ty này bằng phương thức thương lượng và thỏa thuận theo Nghị quyết số 07/SIMCO-HĐQT ngày 19/03/2016. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết này được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo kết quả kinh doanh kể từ thời điểm 01/01/2016.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

#### 2.4 . Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### 2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân năm tài chính (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

### 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 35	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03	năm
- Tài sản cố định khác	08	năm

**2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện, theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

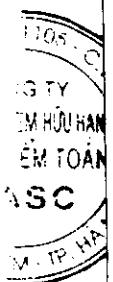
Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

### 2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.20 . Doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

### 2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### 2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### 2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu đã kiểm toán năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.459.059.399	5.393.683.278	3.934.623.879	(*)
LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a	8.769.625.434	4.835.001.555	(3.934.623.879)	(*)

(\*) Điều chỉnh giảm lợi nhuận các năm trước do Công ty xác định giá vốn của dự án Đường bao phía Tây Hà Tĩnh chưa phù hợp.

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Tiền mặt	812.033.719	599.425.736
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	812.288.683	1.519.014.733
Các khoản tương đương tiền	-	120.000.000.000
	<u><b>1.624.322.402</b></u>	<u><b>122.118.440.469</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	350.000.000	350.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	350.000.000	350.000.000	-	-
	<b>350.000.000</b>	<b>350.000.000</b>	-	-

(\*) Bao gồm số dư của hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây với lãi suất 6%/năm.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	4.200.000.000	2.340.000.000	(1.860.000.000)	18.939.370.000	19.467.810.000	(1.638.510.000)
<i>Cổ phiếu STG</i>	4.200.000.000	2.340.000.000	(1.860.000.000)	3.465.000.000	2.994.750.000	(470.250.000)
<i>Cổ phiếu CJC</i>	-	-	-	3.046.450.000	4.202.000.000	-
<i>Cổ phiếu SCI</i>	-	-	-	4.200.000.000	3.150.000.000	(1.050.000.000)
<i>Cổ phiếu MHC</i>	-	-	-	2.141.820.000	2.023.560.000	(118.260.000)
<i>Cổ phiếu GTN</i>	-	-	-	6.086.100.000	7.097.500.000	-
	<b>4.200.000.000</b>	<b>2.340.000.000</b>	<b>(1.860.000.000)</b>	<b>18.939.370.000</b>	<b>19.467.810.000</b>	<b>(1.638.510.000)</b>

Ghi chú:

Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định căn cứ giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại thời điểm 31/12/2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****c) Đầu tư vào Công ty liên kết**

	Địa chỉ	31/12/2016			01/01/2016		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
				VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	35,83%	35,83%	2.870.936.189	35,83%	35,00%	3.513.717.790
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (*) <i>Vốn góp của Công ty</i>	Huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	42,80%	42,80%	5.750.000.000	42,80%	42,80%	5.750.000.000
<i>Nhận ủy thác của Cán bộ CNV</i>				-			-
				5.750.000.000			5.750.000.000
- Công ty Cổ phần Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng (**)	Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	49,00%	49,00%	16.177.744.524			
- Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái				31,00%	26,67%	16.085.744.881
				<b>24.798.680.713</b>			<b>25.349.462.671</b>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 40.

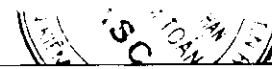
(\*) Công ty cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển đã dừng hoạt động từ năm 2013.

(\*\*) *Lí do thay đổi khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Hawinco Đầu tư Xây dựng Hạ tầng trong năm:*

- Quý I/2016: Công ty đã mua lại 49% cổ phần tại Công ty Cổ phần Hawinco Đầu tư Xây dựng Hạ tầng từ các cổ đông đang sở hữu cổ phần của Công ty này bằng phương thức thương lượng và thỏa thuận theo Nghị quyết số 07/SIMCO-HĐQT ngày 19/03/2016.

- Quý III/2016: Căn cứ nghị quyết số 46/SIMCO-HĐQT ngày 28/09/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, Công ty đã thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng và Công ty này không còn là Công ty liên kết của Công ty nữa.

- Quý IV/2016: Tháng 11/2016 các đối tác mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng gặp khó khăn nên không thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán tiền cho Công ty Cổ phần Simco Sông Đà. Vì vậy các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần không được thực hiện. Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty cổ phần Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng vẫn là Công ty liên kết của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>10.000.000</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển nhân lực SIMCO Sông Đà (*)	10.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>176.050.000.000</b>	<b>(4.900.000.000)</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>(4.900.000.000)</b>
- Ủy thác đầu tư - Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	3.300.000.000	(3.300.000.000)	3.300.000.000	(3.300.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh Sơn	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
- Ủy thác đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	1.100.000.000	(1.100.000.000)	1.100.000.000	(1.100.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
- Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	11.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương	4.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây	154.050.000.000	-	-	-
	<b>176.060.000.000</b>	<b>(4.900.000.000)</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>(4.900.000.000)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*) Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà được thành lập ngày 19/10/2016 theo Nghị quyết số 48/SIMCO-HĐQT ngày 17/10/2016 với vốn điều lệ 5 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Simco Sông Đà cam kết góp 60% vốn điều lệ. Tuy nhiên, đến ngày 14/03/2017, Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Cổ phần Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT. Sau khi thực hiện thoái vốn Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà không còn là Công ty con của Công ty vì vậy số liệu của Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà cho kỳ kế toán từ ngày 19/10/2016 đến ngày 31/12/2016 không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty và khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng - Kratie	Huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	(*)	(*)	Sản xuất sản phẩm từ cao su
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	Huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội	1,10%	1,10%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	Huyện Hải Hà, Tỉnh Quảng Ninh	(*)	(*)	Xây dựng nhà các loại
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	0,54%	0,54%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN (1)	Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	21,31%	18,33%	Khai thác và sản xuất các sản phẩm từ đá
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (**)	Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	0,61%	0,61%	Cung cấp thực phẩm, nông nghiệp và công nghệ vi sinh
Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây (**)	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	19,50%	19,50%	Kinh doanh bất động sản

(\*) Các khoản góp vốn ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà. Các khoản đầu tư đều đã được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với tỷ lệ 100%.

(\*\*) Các khoản đầu tư dài hạn của Công ty con - Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà.

**(1) Lý do thay đổi khoản đầu tư vào Công ty cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN trong năm:**

- Quý II/2016: Công ty đã bán 1.600.000 cổ phần (đã nắm giữ từ thời điểm đầu năm) của Công ty cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN theo Nghị quyết số 37/SIMCO-HĐQT ngày 27/06/2016 của Hội đồng Quản trị cho Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây với giá trị 64 tỷ đồng, đã thu toàn bộ bằng tiền qua tài khoản ngân hàng của Công ty.

- Tại thời điểm 30/06/2016, số cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN (Sifaco) được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Simco Sông Đà là 109.517 cổ phần với giá trị góp vốn tương ứng là 1.095.170.000 đồng được chuyển sang từ khoản phải thu về tiền gốc và lãi vay theo các hợp đồng vay của Sifaco với Công ty từ thời điểm đầu năm và đang được trình bày là khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

- Quý IV/2016: Theo biên bản làm việc ngày 26/12/2016 và Biên bản thanh lý Hợp đồng liên doanh số 01/FASIPAN-SIMCO ngày 26/12/2016 giữa Công ty với các bên là Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Phanxipăng và Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN thì khoản phải thu liên quan đến quyền khai thác mỏ của Công ty đã đủ điều kiện ghi nhận là vốn góp vào Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN; đồng thời các bên thống nhất việc hủy văn bản chuyển nợ cho vay thành vốn góp giữa Công ty và Công ty Cổ phần Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN đã ký kết thời điểm tháng 6/2016. Tổng giá trị vốn góp của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 tương ứng giá trị quyền khai thác mỏ góp vốn của Công ty là 11 tỷ đồng tương đương 1.100.000 cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Châu Giang	-	86.405.500.000
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	358.674.388	820.236.443
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	1.976.354.222	1.976.354.222
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu May Sông Đà	310.000.000	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	511.724.985	1.701.633.365
	<b><u>3.156.753.595</u></b>	<b><u>90.903.724.030</u></b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.	<b><u>2.335.028.610</u></b>	<b><u>2.796.590.665</u></b>

**7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng nhà ở Hải Phòng	1.149.566.562	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Công trình Hoàng Anh	560.000.000	(392.000.000)	-	-
Trung tâm nghiên cứu địa kỹ thuật	300.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Mỹ Yên	-	-	1.771.107.700	-
Trả trước cho người bán của dự án khai thác mỏ tại Myanmar	83.693.437	-	12.615.408.647	-
Trả trước cho người bán khác	251.084.054	(4.600.000)	4.918.728.594	(4.600.000)
	<b><u>2.344.344.053</u></b>	<b><u>(396.600.000)</u></b>	<b><u>19.305.244.941</u></b>	<b><u>(4.600.000)</u></b>

**8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (*)	5.006.330.196	5.006.330.196
- Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	-	947.833.000
	<b><u>5.006.330.196</u></b>	<b><u>5.954.163.196</u></b>

(\*) Bao gồm các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 03 tháng - 06 tháng, lãi suất 0%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**9 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	291.720.592	-	409.808.844	-
- Tạm ứng	4.525.171.610	-	24.407.109.814	-
- Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ - Công ty TNHH xây dựng & Thương mại FANSIPAN	-	-	9.182.195.000	-
- Công ty Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	550.000.000	(550.000.000)	550.000.000	(550.000.000)
- Phải thu hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona (*)	500.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.003.643.601	(410.746.452)	1.406.449.297	-
	<b>6.870.535.803</b>	<b>(960.746.452)</b>	<b>35.955.562.955</b>	<b>(550.000.000)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	7.919.142.000	-	8.244.598.790	-
	<b>7.919.142.000</b>	<b>-</b>	<b>8.244.598.790</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản góp vốn đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2015/SIMCO-TONA ngày 09/11/2015 với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona để thực hiện dự án “Khai thác đất tại xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh” theo phương thức mua đất để phục vụ khai thác đất san lấp cho Công ty Đầu tư Xây dựng LICOGI số 2 thuộc Khu Đô Thị Mới – Thị xã Đông Triều – Quảng Ninh.

Tổng giá trị vốn huy động là 3 tỷ đồng, Công ty Simco Sông Đà góp 500 triệu đồng. Thời gian thực hiện dự kiến của dự án là 6 tháng. Các Bên chia lợi nhuận trên tỷ lệ vốn góp khi kết thúc Dự án. Dự án đang bị chậm tiến độ do chưa giải phóng được mặt bằng nên trong năm 2016 các bên chưa quyết định phân chia lợi nhuận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**10 . NỢ XẤU**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	-	-	6.982.684.418	6.982.684.418
<i>Phải thu cho vay</i>	5.006.330.196	-	5.006.330.196	5.006.330.196
<i>Phải thu tiền hàng</i>	1.976.354.222	-	1.976.354.222	1.976.354.222
- Công ty Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	550.000.000	-	550.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hoàng Anh	560.000.000	168.000.000	-	-
- Các khoản khác	830.395.017	-	419.648.565	-
	<b>8.923.079.435</b>	<b>168.000.000</b>	<b>7.952.332.983</b>	<b>6.982.684.418</b>

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu tại ngày 31/12/2016 được đánh giá bằng nợ gốc sau khi bù trừ dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.876.134	-	33.299.169	-
Công cụ, dụng cụ	8.906.886	-	11.522.492	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	101.272.714	-	5.786.564.717	-
<i>Dự án Hà Tĩnh</i>	15.546.364	-	5.700.838.367	-
<i>Hoạt động khác</i>	85.726.350	(85.726.350)	85.726.350	-
Thành phẩm	2.093.522.358	-	-	-
	<b>2.235.578.092</b>	<b>(85.726.350)</b>	<b>5.831.386.378</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án tòa nhà Simco Tower	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441
	<b>75.902.112.441</b>	<b>75.902.112.441</b>	<b>75.902.112.441</b>	<b>75.902.112.441</b>

*Ghi chú:*

Dự án tòa nhà Simco Tower được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương triển khai tại khu nhà hỗn hợp HH - Khu đô thị mới Cầu Bươu - Thanh Trì - Hà Nội có tổng mức vốn đầu tư là 351,78 tỷ đồng căn cứ Quyết định số 278/2011/HĐQT ngày 08/02/2011 của Hội đồng quản trị với phương án thi công 12 tầng cao và 01 tầng hầm và có kết cấu móng nhà được tính cho công trình 21 tầng. Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị dở dang là chi phí mua đất và các chi phí liên quan đến việc mua đất. Công ty đang xây dựng phương án triển khai và điều chỉnh quy hoạch. Dự án sẽ được triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt phương án điều chỉnh và Công ty thu xếp được vốn đầu tư.

**b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Dự án Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Phụng Hiệp (1)	2.314.020.651	2.309.020.651
- Dự án Đầu tư xây dựng khai thác mỏ Myanmar (GD 1) (2)	-	105.161.213.144
	<b>2.314.020.651</b>	<b>107.470.233.795</b>

(1) Dự án Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Phụng Hiệp có tổng mức đầu tư dự kiến là 3.088,2 tỷ đồng và được thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong vòng 24 tháng kể từ Quý III/2018 đến Quý III/2020. Việc thi công xây dựng dự án sẽ được thực hiện sau khi Công ty làm việc với UBND Thành phố Hà Nội, Sở quy hoạch Kiến trúc Hà Nội, Viện Quy hoạch Hà Nội về việc cập nhật quy hoạch vùng và quy hoạch chung của huyện Thường Tín để điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Khu công nghiệp và đền bù, hỗ trợ, di dời giải phóng mặt bằng...

(2) Dự án khai thác và chế biến đá marble tại mỏ Nayputaung, thị trấn Taunggok, bang Rakhine, Myanmar đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, chi phí đầu tư xây dựng được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là 68.098.129.578 đồng (tương đương 2.997.276,83 USD), các chi phí khác của dự án được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	56.289.798.605	1.459.885.727	2.727.332.865	223.738.551	305.826.000	61.006.581.748
- Mua trong năm	-	-	1.057.323.636	-	-	1.057.323.636
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.019.382.282	42.564.802.630	1.016.802.701	507.745.424	6.989.396.541	68.098.129.578
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.645.514.865)	-	-	(2.645.514.865)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>73.309.180.887</b>	<b>44.024.688.357</b>	<b>2.155.944.337</b>	<b>731.483.975</b>	<b>7.295.222.541</b>	<b>127.516.520.097</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	14.378.836.955	1.413.626.375	2.319.583.337	223.738.551	156.098.712	18.491.883.930
- Khấu hao trong năm	1.755.486.328	21.575.616	183.817.480	-	38.228.256	1.999.107.680
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.346.060.118)	-	-	(2.346.060.118)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.134.323.283</b>	<b>1.435.201.991</b>	<b>157.340.699</b>	<b>223.738.551</b>	<b>194.326.968</b>	<b>18.144.931.492</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	41.910.961.650	46.259.352	407.749.528	-	149.727.288	42.514.697.818
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>57.174.857.604</b>	<b>42.589.486.366</b>	<b>1.998.603.638</b>	<b>507.745.424</b>	<b>7.100.895.573</b>	<b>109.371.588.605</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 33.151.716.920 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.930.879.831 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại 31/12/2016 là Phần mềm máy tính có nguyên giá: 152.500.000 VND và Tài sản cố định vô hình khác với nguyên giá: 91.660.000 VND. Toàn bộ tài sản này đã hết khấu hao từ trước ngày 01/01/2016.

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	37.030.627	88.009.550
Chi phí sửa chữa	-	32.689.585
Chi phí thuê nhà	-	90.670.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.778.542	486.700
	<b>43.809.169</b>	<b>211.855.835</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	333.166.887	120.692.267
Chi phí sửa chữa	184.890.690	57.167.087
Chi phí trả trước dài hạn khác	33.146.482	-
	<b>551.204.059</b>	<b>177.859.354</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Hợp Lực	649.014.603	649.014.603	1.724.640.028	1.724.640.028
Công ty Cổ phần Xây dựng nhà ở Hải Phòng	1.281.972.819	1.281.972.819	1.286.324.216	1.286.324.216
Công ty TNHH Hải Ngọc	1.112.167.150	1.112.167.150	-	-
Bà Nguyễn Thị Đức	24.050.000.000	24.050.000.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	7.470.442.865	7.470.442.865	2.440.537.424	2.440.537.424
	<b>34.563.597.437</b>	<b>34.563.597.437</b>	<b>5.451.501.668</b>	<b>5.451.501.668</b>

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cục Quản lý lao động ngoài nước	334.500.000	334.500.000
Nhận ứng trước tiền khối lượng thi công xây lắp của UBND thành phố Hà Tĩnh	110.382.166	939.051.086
Đối tượng khác	-	702.121.000
	<b>444.882.166</b>	<b>1.975.672.086</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	71.826.827	217.673.663	241.582.742	-	47.917.748
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.264.868.915	97.393.938	2.257.988.674	9.233.181	113.507.360
Thuế Thu nhập cá nhân	-	33.840.000	135.761.099	109.885.199	-	59.715.900
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	368.374.430	2.250.423	237.285.736	-	133.339.117
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	140.960.000	140.960.000	-	-
	-	<b>2.738.910.172</b>	<b>602.039.123</b>	<b>2.995.702.351</b>	<b>9.233.181</b>	<b>354.480.125</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	31.119.233	128.333.333
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hoạt động xuất khẩu lao động	-	465.962.735
- Chi phí dự án Vạn Phúc	-	160.450.331
<i>Chi phí thẩm tra quyết toán Vốn đầu tư</i>	-	124.348.434
<i>Thiết kế bản vẽ thi công đường dây &amp; trạm biến áp</i>	-	32.162.824
<i>Dự phòng phí Dự án Vạn Phúc</i>	-	3.939.073
- Thù lao HĐQT	118.800.000	492.523.000
- Trích trước giá vốn dự án Hà Tĩnh	-	3.934.623.879
- Chi phí phải trả khác	-	211.790.000
	<b>149.919.233</b>	<b>5.393.683.278</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Phí dịch vụ đào tạo	50.380.000	97.943.816
- Doanh thu cho thuê văn phòng, cơ sở vật chất	404.688.070	-
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	131.696.578
	<b>455.068.070</b>	<b>229.640.394</b>

**21 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	404.478.750	420.309.620
- Bảo hiểm xã hội	240.315.576	216.089.290
- Bảo hiểm y tế	42.741.202	37.359.937
- Bảo hiểm thất nghiệp	18.442.243	16.716.902
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.455.000	10.455.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả năm 2011 và năm 2013	17.034.235.140	17.034.235.140
- Phải trả lãi vay	-	157.527.184
- Tiền nhận đặt cọc hoàn thiện nhà dự án Vạn Phúc	675.000.000	740.000.000
- Phải trả hoạt động xuất khẩu lao động	4.954.186.461	9.572.463.908
- Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động	168.691.330	120.492.708
- Quỹ tự nguyện CBCNV	45.161.051	32.017.401
- Phải trả tiền lương cho lao động về nước	-	582.379.500
- Phải trả Công ty cổ phần Chứng khoán IB - Gốc vay margin, phí lưu ký	-	7.442.852.795
- Khoản phải trả - Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà	-	528.000.000
- Các khoản phải trả của dự án khai thác mỏ tại Myanmar	12.415.571.297	5.973.731.646
- Phải trả Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	722.635.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	335.454.483	652.063.284
	<b>37.067.367.533</b>	<b>43.536.694.315</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.507.518.004	1.937.003.531
- Phải trả tiền nhận góp vốn ủy thác đầu tư	54.157.281.933	54.157.281.933
<i>Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thủy Điển</i>	5.750.000.000	5.750.000.000
<i>Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà</i>	48.407.281.933	48.407.281.933
	<b>55.664.799.937</b>	<b>56.094.285.464</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>17.034.235.140</b>	<b>17.034.235.140</b>
- Cổ tức năm 2011 và năm 2013	17.034.235.140	17.034.235.140
	<b>17.034.235.140</b>	<b>17.034.235.140</b>

**Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn:** Do Công ty đã sử dụng nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013 để đầu tư vào dự án khai thác và chế biến đá marble tại Myanmar. Dự án đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, nhưng gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ hàng nên chưa thu hồi được vốn đầu tư giai đoạn 1. Công ty đang nỗ lực tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng dự án để thu hồi vốn đầu tư nên chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>123.800.058.000</b>	<b>123.800.058.000</b>	<b>6.392.324.600</b>	<b>125.801.896.500</b>	<b>4.390.486.100</b>	<b>4.390.486.100</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	2.507.058.000	2.507.058.000	5.242.324.600	4.751.896.500	2.997.486.100	2.997.486.100
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	120.000.000.000	120.000.000.000	-	120.000.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân (2)	1.293.000.000	1.293.000.000	1.150.000.000	1.050.000.000	1.393.000.000	1.393.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>7.858.812.000</b>	<b>7.858.812.000</b>	<b>1.324.758.400</b>	<b>6.207.046.400</b>	<b>2.976.524.000</b>	<b>2.976.524.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (3)	-	-	1.253.450.000	-	1.253.450.000	1.253.450.000
- Vay cá nhân (4)	7.858.812.000	7.858.812.000	71.308.400	6.207.046.400	1.723.074.000	1.723.074.000
	<b>131.658.870.000</b>	<b>131.658.870.000</b>	<b>7.717.083.000</b>	<b>132.008.942.900</b>	<b>7.367.010.100</b>	<b>7.367.010.100</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (3)	23.565.939.656	23.565.939.656	253.659.100	106.230.000	23.713.368.756	23.713.368.756
<i>Gốc vay</i>	<i>22.213.041.434</i>	<i>22.213.041.434</i>	<i>-</i>	<i>106.230.000</i>	<i>22.106.811.434</i>	<i>22.106.811.434</i>
<i>Điều chỉnh do chuyển đổi báo cáo Công ty con</i>	<i>1.352.898.222</i>	<i>1.352.898.222</i>	<i>253.659.100</i>	<i>-</i>	<i>1.606.557.322</i>	<i>1.606.557.322</i>
- Vay dài hạn cá nhân (4)	9.830.188.200	9.830.188.200	126.595.600	6.272.999.400	3.683.784.400	3.683.784.400
	<b>33.396.127.856</b>	<b>33.396.127.856</b>	<b>380.254.700</b>	<b>6.379.229.400</b>	<b>27.397.153.156</b>	<b>27.397.153.156</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(7.858.812.000)	(7.858.812.000)	(1.324.758.400)	(6.207.046.400)	(2.976.524.000)	(2.976.524.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>25.537.315.856</b>	<b>25.537.315.856</b>			<b>24.420.629.156</b>	<b>24.420.629.156</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/178138/HĐTD ngày 16 tháng 06 năm 2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 3,5 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2016;
- + Lãi suất cho vay: được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng bất kỳ biện pháp bảo đảm sau: thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh của bên thứ ba, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

(2) Bao gồm 02 hợp đồng vay ngắn hạn cá nhân có kỳ hạn 06 tháng đến 01 năm với lãi suất 0% - 4%/năm.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2013/BIDV-MYSICO ngày 26/12/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 3.000.000 USD;
- + Mục đích vay: thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ đầu tư Dự án khai thác và chế biến khoáng sản mỏ Nay Pu Taung, bang Rakhine, Myanmar;
- + Thời hạn của hợp đồng: 96 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: 5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp hoặc cầm cố cho bên cho vay tài sản tại Việt Nam thuộc sở hữu của bên đảm bảo theo Hợp đồng bảo đảm bằng tài sản tại Việt Nam. Thế chấp cho bên cho vay toàn bộ vốn góp của nhà đầu tư trong bên vay theo Hợp đồng thế chấp vốn góp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 23.713.368.756 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 1.253.450.000 đồng.

(4) Bao gồm các khoản vay dài hạn cá nhân theo Hợp đồng nhận tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng với lãi suất bằng huy động tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi. Tiền lãi được trả 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của tháng thứ 6. Khi đến hạn trả lãi, sau 7 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 6 bên cho vay không đến nhận lãi thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc để tính cho kỳ hạn tiếp theo. Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 3.683.784.400 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 1.723.074.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)</b>	<b>131.034.260.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>3.776.369.556</b>	<b>44.904.163.807</b>	<b>4.835.001.555</b>	<b>184.548.112.918</b>
Tăng vốn trong năm trước	131.027.320.000	-	-	(43.672.260.000)	-	87.355.060.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.391.386.789	4.391.386.789
Chuyển đổi báo cáo Công ty con ở nước ngoài	-	-	2.546.578.155	-	-	2.546.578.155
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>262.061.580.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>6.322.947.711</b>	<b>1.231.903.807</b>	<b>9.226.388.344</b>	<b>278.841.137.862</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>262.061.580.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>6.322.947.711</b>	<b>1.231.903.807</b>	<b>9.226.388.344</b>	<b>278.841.137.862</b>
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(36.032.916.525)	(36.032.916.525)
Chuyển đổi báo cáo Công ty con ở nước ngoài	-	-	100.998.612	-	-	100.998.612
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>262.061.580.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>6.423.946.323</b>	<b>1.231.903.807</b>	<b>(26.806.528.181)</b>	<b>242.909.219.949</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Nguyễn Sĩ Hiền (*)	7,93%	20.781.000.000		
Các cổ đông khác	92,07%	241.278.900.000	99,999%	262.059.900.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	1.680.000	0,001%	1.680.000
	<b>100%</b>	<b>262.061.580.000</b>	<b>100%</b>	<b>262.061.580.000</b>

(\*) Tại thời điểm 31/12/2016, Ông Nguyễn Sĩ Hiền trở thành cổ đông lớn của Công ty với tổng số lượng cổ phiếu chiếm trên 5% cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Tuy nhiên không có số liệu so sánh tại thời điểm 01/01/2016 đối với cổ đông này.

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	262.061.580.000	262.061.580.000
- Vốn góp đầu năm	262.061.580.000	131.034.260.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	131.027.320.000
- Vốn góp cuối năm	262.061.580.000	262.061.580.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.206.158	26.206.158
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.206.158	26.206.158
- Cổ phiếu phổ thông	26.206.158	26.206.158
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	168	168
- Cổ phiếu phổ thông	168	168
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.205.990	26.205.990
- Cổ phiếu phổ thông	26.205.990	26.205.990
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.231.903.807	1.231.903.807
	<b>1.231.903.807</b>	<b>1.231.903.807</b>

**24 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu năm	6.322.947.711	3.776.369.556
Số tăng trong năm	100.998.612	2.546.578.155
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	100.998.612	2.546.578.155
	<b>6.423.946.323</b>	<b>6.322.947.711</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.006,12	5.421,40
- EURO	127,62	-
- Yên Nhật (JPY)	279,93	1.794.501,00
- Đồng Kyat (Myanmar)	645.200,00	1.110.800,00

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn và lãi vay phải thu	3.117.750.655	3.117.750.655
Phải thu khách hàng	151.569.733	151.569.733
Trả trước cho người bán	25.500.000	25.500.000
	<b>3.294.820.388</b>	<b>3.294.820.388</b>

**26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	135.485.500.000
Doanh thu bán thành phẩm	695.320.021	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.858.869.418	51.011.509.328
- Dịch vụ xuất khẩu lao động	29.435.031.338	44.881.006.097
- Dịch vụ khác	5.423.838.080	6.130.503.231
Doanh thu hợp đồng xây dựng	797.527.295	3.658.758.382
	<b>36.351.716.734</b>	<b>190.155.767.710</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)	<b>424.210.528</b>	<b>278.492.997</b>

**27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	413.418.400	764.401.300
	<b>413.418.400</b>	<b>764.401.300</b>

**28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	134.634.545.455
Giá vốn của thành phẩm đã bán	63.824.468.443	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.064.018.337	31.790.789.886
- Dịch vụ xuất khẩu lao động	19.022.793.956	27.375.326.611
- Dịch vụ khác	3.041.224.381	4.415.463.275
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	11.057.625.898	3.531.139.937
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	85.726.350	-
	<b>97.031.839.028</b>	<b>169.956.475.278</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.008.935.061	2.219.805.572
Lãi bán các khoản đầu tư	49.868.563.203	6.451.450.801
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.170.000.000	1.467.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.252.100	44.411.536
	<b>53.055.750.364</b>	<b>10.182.917.909</b>

**30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.911.955.214	4.516.608.526
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	420.480.000	1.069.834.507
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	463.600	954.886
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	93.958.642	3.457.594
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	221.490.000	4.699.653.755
Chi phí tài chính khác	298.194.814	81.774.383
	<b>4.946.542.270</b>	<b>10.372.283.651</b>

**31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	203.662.958	148.431.436
Chi phí nhân công	9.893.111.362	6.991.048.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	490.320.828	369.999.428
Thuế, phí, lệ phí	97.701.640	612.018.609
Chi phí dự phòng	5.529.076.648	1.557.954.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.300.356.820	2.555.769.495
Chi phí khác bằng tiền	8.920.380.828	1.369.310.396
	<b>26.434.611.084</b>	<b>13.604.532.352</b>

**32 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	327.272.727	689.454.545
Thu từ phạt vi phạm lao động xuất cảnh	-	1.556.954
Lãi phạt chậm trả thu từ Công ty Châu Giang	1.900.500.000	2.315.500.000
Các khoản nợ không phải trả	2.518.405.064	-
Thu nhập khác	5.097.272	84.444.525
	<b>4.751.275.063</b>	<b>3.090.956.024</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**33 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	26.727.475	-
Chi phí đầu tư dự án đã dừng hoạt động	-	44.913.091
Các khoản truy thu và phạt chậm nộp thuế	-	1.048.952.745
Các khoản bị phạt	606.089.335	-
Chi phí khác	79	12.160.000
	<b>632.816.889</b>	<b>1.106.025.836</b>

**34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(35.935.522.587)	7.365.995.279
Thu nhập tính thuế TNDN	486.969.688	7.365.995.279
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	97.393.938	2.974.608.490
- Công ty mẹ	97.393.938	2.974.608.490
- Công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>97.393.938</b>	<b>2.974.608.490</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	352.953.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.264.868.915	27.705.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.257.988.674)	(1.090.399.012)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<b>104.274.179</b>	<b>2.264.868.915</b>

**35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(36.032.916.525)	4.391.386.789
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(36.032.916.525)	4.391.386.789
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	26.205.990	18.022.453
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(1.375)</b>	<b>244</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.833.424.607	1.127.949.103
Chi phí nhân công	35.355.106.063	19.475.928.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.999.107.680	1.995.078.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.917.005.097	13.105.591.543
Chi phí khác bằng tiền	59.353.476.927	6.170.389.991
	<b>119.458.120.374</b>	<b>41.874.937.083</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.624.322.402	-	-	1.624.322.402
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.675.140.159	7.919.142.000	-	14.594.282.159
Các khoản cho vay	350.000.000	-	-	350.000.000
Đầu tư ngắn hạn	2.340.000.000	-	-	2.340.000.000
Đầu tư dài hạn	-	171.150.000.000	-	171.150.000.000
	<b>10.989.462.561</b>	<b>179.069.142.000</b>	<b>-</b>	<b>190.058.604.561</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.118.440.469	-	-	122.118.440.469
Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.917.884.198	8.244.598.790	-	132.162.482.988
Các khoản cho vay	5.674.163.196	-	-	5.674.163.196
Đầu tư ngắn hạn	17.300.860.000	-	-	17.300.860.000
Đầu tư dài hạn	-	2.100.000.000	-	2.100.000.000
	<b>269.011.347.863</b>	<b>10.344.598.790</b>	<b>-</b>	<b>279.355.946.653</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	7.367.010.100	24.420.629.156	-	31.787.639.256
Phải trả người bán, phải trả khác	71.630.964.970	55.664.799.937	-	127.295.764.907
Chi phí phải trả	149.919.233	-	-	149.919.233
	<b>79.147.894.303</b>	<b>80.085.429.093</b>	-	<b>159.233.323.396</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	131.658.870.000	25.537.315.856	-	157.196.185.856
Phải trả người bán, phải trả khác	48.988.195.983	56.094.285.464	-	105.082.481.447
Chi phí phải trả	5.393.683.278	-	-	5.393.683.278
	<b>186.040.749.261</b>	<b>81.631.601.320</b>	-	<b>267.672.350.581</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Công ty con là Cổ phần Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 14/03/2017. Sau khi thực hiện thoái vốn Công ty Cổ phần Phát triển Nhân lực SIMCO Sông Đà không còn là Công ty con của Công ty.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

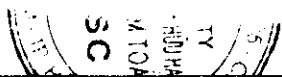
**39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp và Bất động sản	Sản xuất đá block	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	34.445.451.018	797.527.295	695.320.021	35.938.298.334	-	35.938.298.334
Giá vốn bán hàng ra bên ngoài	22.064.018.337	11.143.352.248	63.824.468.443	97.031.839.028	-	97.031.839.028
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12.381.432.681</b>	<b>(10.345.824.953)</b>	<b>(63.129.148.422)</b>	<b>(61.093.540.694)</b>	-	<b>(61.093.540.694)</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.057.323.636	5.000.000	-	1.062.323.636	-	1.062.323.636
Tài sản bộ phận	15.015.639.816	1.879.596.980	76.016.074.797	92.911.311.593	-	92.911.311.593
Tài sản không phân bổ	-	-	-	314.985.592.919	-	314.985.592.919
<b>Tổng tài sản</b>	<b>15.015.639.816</b>	<b>1.879.596.980</b>	<b>76.016.074.797</b>	<b>407.896.904.512</b>	-	<b>407.896.904.512</b>
Nợ phải trả bộ phận	12.541.909.316	3.828.536.738	35.885.150.761	52.255.596.815	-	52.255.596.815
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	110.023.192.404	2.708.895.344	112.732.087.748
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>12.541.909.316</b>	<b>3.828.536.738</b>	<b>35.885.150.761</b>	<b>162.278.789.219</b>	<b>2.708.895.344</b>	<b>164.987.684.563</b>

**Theo khu vực địa lý**

	Khu vực 1	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	35.242.978.313	695.320.021	35.938.298.334	-	35.938.298.334
Tài sản bộ phận	-	331.880.829.715	76.016.074.797	407.896.904.512	-	407.896.904.512
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	1.062.323.636	-	1.062.323.636	-	1.062.323.636



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>424.210.528</b>	<b>278.492.997</b>
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết	305.663.074	278.492.997
Công ty Cổ phần Hawinco Đầu tư xây dựng hạ tầng	Công ty liên kết	118.547.454	-
<b>Cho vay ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>547.833.000</b>
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Bên nhận đầu tư	-	547.833.000
<b>Thanh lý khoản đầu tư vào Công ty liên kết</b>		<b>64.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản Tây Hồ Tây	Bên nhận đầu tư từ công ty con	64.000.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>2.335.028.610</b>	<b>2.796.590.665</b>
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết	358.674.388	820.236.443
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	1.976.354.222	1.976.354.222
<b>Phải thu gốc cho vay ngắn hạn</b>		<b>5.006.330.196</b>	<b>5.954.163.196</b>
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	5.006.330.196	5.006.330.196
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Bên nhận đầu tư	-	947.833.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.819.848.400	1.750.863.540

**41 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Thị Đà Giang  
Người lậpPhạm Thị Hiếu  
Kế toán trưởngNguyễn Ngọc Quyền  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017